TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2021/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 03 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 253/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc *"Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* giữa người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** - sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 33, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Trần Đình T1** - sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 25, phường T2, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong bản ghi nhận kết quả hòa giải về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ việc là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Đình T1.

2. Nội dung hòa giải thành của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Đình T1 thuận tình ly hôn.

2.2 Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Đình T1 xác nhận không có con chung.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Đình T1 xác nhận không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Đình T1 xác nhận không nợ chung.

2.5. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (Tòa án không ra thông báo nộp tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên không có biên lai tạm ứng lệ phí tại hồ sơ vụ án).

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác mà họ không thực hiện được quyền đề nghị theo đúng thời hạn thì trong thời gian đó không tính vào thời hạn đề nghị.

5. Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND P. T2, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
(Giấy chứng nhận kết hôn số 082 ngày 20/9/2016);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương